

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Số: /TB-HĐTS

Lâm Đồng, ngày tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

**Kết quả trúng tuyển các ngành lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp  
Trình độ cao đẳng, trung cấp – Hình thức đào tạo chính quy - Đợt 3, năm 2025**

Chủ tịch Hội đồng Tuyển sinh Trường Cao đẳng Bình Thuận thông báo kết quả trúng tuyển các ngành lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, trình độ cao đẳng, trung cấp - Đợt 3, năm 2025, cụ thể như sau:

**1. Kết quả trúng tuyển**

| TT                    | Mã ngành | Tên ngành/nghề                                                                   | Chỉ tiêu | Số lượng trúng tuyển | Ghi chú |
|-----------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------|---------|
| 1                     | 6720101  | Y sĩ đa khoa (*)                                                                 | 25       | 4                    |         |
| 2                     | 6720301  | Điều dưỡng (*)                                                                   | 20       | 4                    |         |
| 3                     | 6220206  | Tiếng Anh                                                                        | 20       | 3                    |         |
| 4                     | 6340302  | Quản trị văn phòng                                                               | 10       | 1                    |         |
| 5                     | 6340403  | Quản trị kinh doanh:<br>- Chuyên ngành QTKD dịch vụ<br>Chuyên ngành QTKD NHKS&DL | 20       | 1<br>7               |         |
| 6                     | 6340404  | Tin học ứng dụng                                                                 | 20       | 1                    |         |
| 7                     | 6480205  | Công nghệ kỹ thuật cơ khí (*)                                                    | 15       | 1                    |         |
| 8                     | 6510201  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (*)                                             | 10       | 2                    |         |
| <b>TỔNG CAO ĐẲNG</b>  |          |                                                                                  |          | <b>24</b>            |         |
| 1                     | 5480205  | Tin học ứng dụng                                                                 | 15       | 2                    |         |
| 2                     | 5540204  | Công nghệ may                                                                    | 15       | 2                    |         |
| 3                     | 5810202  | Quản trị khu resort                                                              | 15       | 8                    |         |
| 4                     | 5810203  | Nghiệp vụ lễ tân                                                                 | 15       | 3                    |         |
| <b>TỔNG TRUNG CẤP</b> |          |                                                                                  |          | <b>15</b>            |         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>      |          |                                                                                  |          | <b>39</b>            |         |

(Có danh sách thí sinh trúng tuyển kèm theo)

**2. Hướng dẫn làm thủ tục nhập học (Phụ lục kèm theo)**

- Thí sinh trúng tuyển nộp bộ hồ sơ nhập học, học phí, lệ phí (riêng học sinh THCS được miễn học phí học nghề).

- Thí sinh trúng tuyển thực hiện đầy đủ các thủ tục nhập học đúng thời gian quy định, **nếu quá hạn 15 ngày** thí sinh sẽ không được nhập học (trừ trường

hợp bất khả kháng theo quy chế tuyển sinh hiện hành).

### **3. Thời gian và địa điểm nhập học**

3.1. Thời gian: Thí sinh trúng tuyển đến Trường làm thủ tục nhập học ngày **06/10/2025**.

3.2. Địa điểm: **Bộ phận tuyển sinh, Trường Cao đẳng Bình Thuận** (Cơ sở chính), Số 05 Tôn Thất Bách, phường Bình Thuận, tỉnh Lâm Đồng (gần Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận).

#### **\* Thông tin liên hệ tuyển sinh:**

**Bộ phận tuyển sinh - Phòng Đào tạo, Trường Cao đẳng Bình Thuận (cơ sở chính)**

- Địa chỉ: Số 05, đường Tôn Thất Bách, phường Bình Thuận, tỉnh Lâm Đồng (gần bệnh viện Đa khoa Bình Thuận).
- Website: <https://tuyensinh.tcdvt.edu.vn/>
- Fanpage: <https://www.facebook.com/TruongCaoDangBinhThuan>
- Điện thoại: 0252 3828150 hoặc 0911 266 252./.

#### **Nơi nhận:**

- Thành viên HĐTS;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT (LP).

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**HIỆU TRƯỞNG**  
**Đỗ Huy Sơn**

**PHỤ LỤC**  
**Hướng dẫn hồ sơ nhập học**  
(Kèm theo Thông báo số ...../TB-HĐTS ngày.../10/2025)

Thí sinh trúng tuyển nộp **hồ sơ** và học phí, lệ phí như sau:

**1. Hồ sơ nhập học:** Gồm vỏ bì hồ sơ đựng các giấy tờ dưới đây:

- **01 Bản sao có chứng thực hoặc bản sao hợp lệ:** Giấy khai sinh;
- **01 Bản chính** Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời THCS/THPT năm 2025.

hoặc **bản sao có chứng thực:** Bằng tốt nghiệp THCS hoặc Bằng THPT hoặc Bằng tốt nghiệp trung cấp kèm chứng nhận hoàn thành chương trình văn hóa phổ thông (tùy theo đối tượng xét tuyển);

- **Kèm thêm các bản gốc các giấy tờ để đối chiếu** (được trả lại cho thí sinh ngay sau khi đối chiếu):

(1) Giấy khai sinh;

(2) Bằng tốt nghiệp THCS hoặc THPT hoặc Trung cấp kèm Chứng nhận hoàn thành văn hóa phổ thông (Tùy đối tượng xét tuyển);

(3) Sổ học bạ THCS hoặc THPT hoặc bảng điểm toàn khóa học trung cấp (Tùy đối tượng xét tuyển);

(4) Thẻ căn cước công dân (CCCD).

**2. Hồ sơ miễn học phí: (nộp khi làm thủ tục nhập học)**

Đối với **học sinh tốt nghiệp THCS** học trung cấp chính quy **nộp thêm** 01 Bản sao có chứng thực Bằng tốt nghiệp THCS để làm thủ tục miễn học phí.

Thông tin liên hệ Phòng CTCT&QLHSSV: 0252 3750068

**3. Ký túc xá (theo nhu cầu của HSSV)**

- Thủ tục đăng ký Ký túc xá gồm: Đơn xin ở nội trú; 02 hình thẻ 3x4; giấy tờ ưu tiên (nếu có). Thí sinh mang hình chụp CCCD hoặc mã định danh.

- Mức phí: 500.000 đồng/Học kỳ.

Thông tin liên hệ Trung tâm Hỗ trợ HSSV: 0252 3939129

**4. Học phí, bảo hiểm, khám sức khỏe: (nộp khi làm thủ tục nhập học)**

**4.1. Học phí:** Theo bảng mức thu học phí (Trang 4)

**4.2. Bảo hiểm:**

- Bảo hiểm y tế (bắt buộc): 742.365 đồng/người (15 tháng).

- Bảo hiểm toàn diện (tự nguyện): 171.000 đồng/người (12 tháng).

**Lưu ý:** HSSV chụp hình CCCD hoặc ghi số CCCD lên bì hồ sơ, nếu HSSV đã có thẻ bảo hiểm y tế còn thời hạn hiệu lực hoặc có sổ cận nghèo, sổ hộ nghèo cần photo thẻ bảo hiểm y tế (không cần chứng thực) mang theo khi làm thủ tục nhập học.

*Thông tin liên hệ Phòng Tài vụ, cơ sở chính: 0933535846 (Cô Thuận)*

## **5. Lệ phí**

- **Khám sức khỏe:** 20.000đ/HSSV.

Trường tổ chức khám sức khỏe cho tân HSSV và cấp giấy chứng nhận sức khỏe để bổ sung vào hồ sơ quản lý HSSV.

- **Làm thẻ HSSV:** 30.000 đ/HSSV.

Nộp 01 hình thẻ 3x4 (ghi rõ Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số điện thoại phía sau tấm ảnh).

---

\* **Lưu ý:** Học sinh, sinh viên có nhu cầu đóng bằng cách chuyển khoản:

- Thông tin tài khoản Trường Cao đẳng Bình Thuận: Ngân hàng Công thương (Vietinbank - 117000091836)

- Người nộp ghi rõ thông tin của SV: (1) Họ và tên; (2) Ngày tháng năm sinh; (3) K24; (4) Trình độ viết tắt; (5) Ngành học viết tắt.

**Ví dụ: NguyenVanA 010190 K25 CD KETOAN**

|           |           |     |          |           |
|-----------|-----------|-----|----------|-----------|
| Họ và tên | Ngày sinh | K25 | Trình độ | Ngành học |
|-----------|-----------|-----|----------|-----------|

**BẢNG MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2025-2026**

| TT | Tên ngành/ngành                                                                    | Mã ngành | Học phí<br>(dự kiến)<br>VND/học kỳ | Ghi chú                                              |
|----|------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------------|------------------------------------------------------|
| I  | Trình độ cao đẳng                                                                  |          | 4.600.000                          |                                                      |
| 1  | Y sĩ đa khoa (*)                                                                   | 6720101  |                                    | Ngành mới 2025                                       |
| 2  | Dược (*)                                                                           | 6720201  |                                    |                                                      |
| 3  | Điều dưỡng (*)                                                                     | 6720301  |                                    |                                                      |
| 4  | Tiếng Anh                                                                          | 6220206  | 3.150.000                          |                                                      |
| 5  | Kế toán doanh nghiệp                                                               | 6340302  |                                    |                                                      |
| 6  | Quản trị văn phòng                                                                 | 6340403  |                                    | Online buổi tối                                      |
| 7  | Quản trị kinh doanh:<br>- Chuyên ngành QTKD dịch vụ<br>- Chuyên ngành QTKD NHKS&DL | 6340404  | 3.150.000<br>3.800.000             |                                                      |
| 8  | Tin học ứng dụng                                                                   | 6480205  | 3.800.000                          |                                                      |
| 9  | Công nghệ kỹ thuật cơ khí (*)                                                      | 6510201  |                                    |                                                      |
| 10 | Công nghệ ô tô (*)                                                                 | 6510216  |                                    |                                                      |
| 11 | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (*)                                               | 6510303  |                                    |                                                      |
| 12 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí (*)                                        | 6520205  |                                    |                                                      |
| 13 | Điện công nghiệp (*)                                                               | 6520227  |                                    |                                                      |
| 14 | Quản trị khu resort                                                                | 6810202  |                                    |                                                      |
| 15 | Kỹ thuật chế biến món ăn (*)                                                       | 6810207  |                                    | Ngành mới 2025                                       |
| II | Trình độ Trung cấp                                                                 |          |                                    |                                                      |
| 1  | Kế toán doanh nghiệp                                                               | 5340302  | 2.750.000                          | Học sinh<br>(THCS) được<br>MIỄN HỌC<br>PHÍ toàn khóa |
| 2  | Tin học ứng dụng                                                                   | 5480205  | 3.250.000                          |                                                      |
| 3  | Công nghệ kỹ thuật cơ khí (*)                                                      | 5510201  |                                    |                                                      |
| 4  | Công nghệ ô tô (*)                                                                 | 5510216  |                                    |                                                      |
| 5  | Công nghệ may                                                                      | 5540204  |                                    |                                                      |
| 6  | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí (*)                                        | 5520205  |                                    |                                                      |
| 7  | Điện công nghiệp (*)                                                               | 5520227  |                                    |                                                      |
| 8  | Quản trị khu resort                                                                | 5810202  |                                    |                                                      |
| 9  | Kỹ thuật chế biến món ăn (*)                                                       | 5810207  |                                    |                                                      |
| 10 | Nghệ vụ lễ tân                                                                     | 5810203  |                                    |                                                      |